

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1243/QĐ-ĐHCN ngày 14 tháng 1 năm 2021.
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình:	Thạc sĩ Kế toán
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã số:	8340301
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Định hướng đào tạo:	Ứng dụng

1. Mục tiêu đào tạo

❖ Mục tiêu chung

Đào tạo học viên có trình độ thạc sĩ ngành kế toán có kiến thức chuyên môn vững vàng, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành kế toán - kiểm toán, tài chính.

❖ Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức:

- Trang bị cho người học những kiến thức phục vụ cho việc tổng hợp, phân tích, luận giải các vấn đề liên quan đến hệ thống kế toán - kiểm toán, tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

- Cung cấp cho người học những kiến thức, phương pháp và công cụ để hiểu biết sâu về kế toán quản trị, kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp;

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản phục vụ cho công tác hoạch định và quản trị tài chính của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội khác.

+ Kỹ năng:

- Kỹ năng tổng hợp, phân tích, hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách và quyết định về kế toán và kiểm toán; Kỹ năng quản trị, đặc biệt là quản trị rủi ro trong các doanh nghiệp; Kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình tài chính chung cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp; Có khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo;

- Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và chịu được áp lực công việc; Kỹ năng thuyết trình, quản lý và lãnh đạo nhóm.

+ Thái độ:

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, linh hoạt, sáng tạo;

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như đam mê nghiên cứu khám phá kiến thức mới, có trách nhiệm trong công việc và với cộng đồng;

- Có phẩm chất đạo đức xã hội như tôn trọng luật pháp, có tinh thần kỷ luật, có lối sống trong sáng, lành mạnh.

+ Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng, thích nghi và tư vấn phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi

- Đánh giá và tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, phân tích

- Đánh giá và phản biện thông tin kế toán khoa học, tiên tiến để đưa ra giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi

- Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích.

+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

- Chuyên gia hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các hoạt động liên quan tới lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, công ty, các tổ chức kinh tế-xã hội từ trung ương tới địa phương;

- Chuyên viên cao cấp về phân tích, quản trị tài chính và kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế;

- Nghiên cứu viên và giảng viên về kế toán-kiểm toán, tài chính, tại các viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng;

- Các nhà quản lý tại cơ quan quản lý nhà nước hay giám đốc tài chính tại các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.

+ Trình độ Ngoại ngữ:

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo toàn khóa: **2,0 năm.**

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ tích lũy: **60 tín chỉ (TC)**

4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

6. Thang điểm

Thang điểm chữ theo hệ hống đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2,0 năm, hoàn thành chương trình trong 4 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4 năm (Bảng 7.1).

Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	Phần 1. Kiến thức chung	3
	Triết học	3
	Tiếng Anh*	
2	Phần 2. Kiến thức cơ sở	19
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	8
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	11
3	Phần 3. Kiến thức chuyên ngành	20
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	14
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	6
4	Phần 4-Thực tập và đề án tốt nghiệp	18
	Thực tập	9
	Đề án tốt nghiệp	9
Tổng số		60

7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/TL/
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			3	2	1
1	LP	7101.1	Triết học	3	2	1
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			19	16	3
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			8	7	1
1	BM	7109.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
2	BM	7104.1	Kinh tế học ứng dụng	3	3	0

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/TL/
3	AA	7114.1	Lý thuyết kế toán	3	3	0
2.2	Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 10 tín chỉ trong các học phần sau)			11	9	2
2.2.1	Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2	1	1
1	LP	7103.1	Kinh tế chính trị	2	1	1
2	AA	7102.1	Đề án nghiên cứu trong kế toán, kiểm toán	2	1	1
2.2.2	Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2	2	0
1	AA	7103.1	Hệ thống thông tin kế toán	2	2	0
2	BM	7125.1	Quản trị doanh nghiệp	2	1	1
2.2.3	Nhóm cơ sở tự chọn C (chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)			3	2	1
1	BM	7115.1	Quản trị dự án	3	2	1
2	AA	7105.1	Kế toán định giá doanh nghiệp	3	2	1
2.2.4	Nhóm cơ sở tự chọn D (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2	1	1
1	BM	7118.1	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	1	1
2	BM	7124.1	Quản lý tài chính công	2	1	1
2.2.5	Nhóm cơ sở tự chọn E (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2	2	0
1	AA	7101.1	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2	2	0
2	LP	7102.1	Pháp luật về kinh doanh	2	2	0
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			20	20	0
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			14	14	0
1	AA	7107.1	Kế toán tài chính 1	4	4	0
2	AA	7106.1	Kế toán quản trị	3	3	0
3	AA	7111.1	Kiểm toán	4	4	0
4	AA	7115.1	Phân tích báo cáo tài chính	3	3	0
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6	6	0

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/TL/
3.2.1	<i>Nhóm chuyên ngành tự chọn A (chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			3	3	0
1	AA	7108.1	Kế toán tài chính 2	3	3	0
2	AA	7110.1	Kiểm soát nội bộ	3	3	0
3.2.2	<i>Nhóm chuyên ngành tự chọn B (chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			3	3	0
1	AA	7109.1	Kế toán thuế	3	3	0
2	AA	7104.1	Kế toán công	3	3	0
IV	PHẦN TỐT NGHIỆP			18	0	18
1	AA	7112.1	Thực tập	9	0	9
2	AA	7113.1	Đề án tốt nghiệp	9	0	9
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				60	36	24

(*) Học phần Tiếng Anh: Học viên tự học để “Đạt” kỳ đánh giá năng lực trình độ Tiếng Anh do Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội tổ chức hoặc có chứng chỉ trình độ Tiếng Anh tương đương bậc 4/6 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

8. Kế hoạch đào tạo toàn khóa theo hình thức tập trung

Bảng 8.1. Kế hoạch đào tạo toàn khóa

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			5				
1	LP	7101.1	Triết học	3	X			
2	BM	7109.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	X			
3	FL	7101.1	Tiếng Anh *					
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			16				
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			6				
1	BM	7104.1	Kinh tế học ứng dụng	3	X			
2	AA	7114.1	Lý thuyết kế toán	3	X			
2.2	Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 11 tín chỉ trong các học phần sau)			11				
2.2.1	<i>Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2				

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
1	LP	7103.1	Kinh tế chính trị	2			X	
2	AA	7102.1	Đề án nghiên cứu trong kế toán, kiểm toán	2			X	
2.2.2	<i>Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2				
1	AA	7103.1	Hệ thống thông tin kế toán	2	X			
2	BM	7125.1	Quản trị doanh nghiệp	2	X			
2.2.3	<i>Nhóm cơ sở tự chọn C (chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			3				
1	BM	7115.1	Quản trị dự án	3		X		
2	AA	7105.1	Kế toán định giá doanh nghiệp	3		X		
2.2.4	<i>Nhóm cơ sở tự chọn D (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2				
1	BM	7118.1	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	X			
2	BM	7124.1	Quản lý tài chính công	2	X			
2.2.5	<i>Nhóm cơ sở tự chọn E (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2				
1	AA	7101.1	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2		X		
2	LP	7102.1	Pháp luật về kinh doanh	2		X		
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			20				
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			14				
1	AA	7107.1	Kế toán tài chính 1	4		X		
2	AA	7106.1	Kế toán quản trị	3		X		
3	AA	7111.1	Kiểm toán	4			X	
4	AA	7115.1	Phân tích báo cáo tài chính	3		X		
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6				
3.2.1	<i>Nhóm chuyên ngành tự chọn A (chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			3				
1	AA	7108.1	Kế toán tài chính 2	3			X	
2	AA	7110.1	Kiểm soát nội bộ	3			X	
3.2.2	<i>Nhóm chuyên ngành tự chọn B (chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			3				

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
1	AA	7109.1	Kế toán thuế	3			X	
2	AA	7104.1	Kế toán công	3			X	
IV	PHẦN THỰC TẬP VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP			18				
1	AA	7112.1	Thực tập	9				X
2	AA	7113.1	Đề án tốt nghiệp	9				X
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				60	15	15	12	18

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ Giờ qui đổi được tính như sau:

01 Tín chỉ = 15 giờ giảng trên lớp (1 giờ giảng = 50 phút);

01 Tín chỉ = 30 giờ thí nghiệm, thực hành;

01 Tín chỉ = 50 giờ thực tập, làm đề án tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các đơn vị đào tạo nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo ngành, Trường đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần theo quy định của Trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, đáp ứng được nhu cầu của người học và của xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc phục vụ đào tạo. Trường đơn vị đào tạo có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra.

❖ Trong quá trình thực hiện chương trình giảng viên cần lưu ý:

- Giảng viên thực hiện trên lớp học lý thuyết cần được trang bị máy chiếu projector, máy tính, nối mạng internet. Khi giảng dạy cần lấy các ví dụ liên hệ thực tiễn minh họa để bài giảng sinh động.

- Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu đơn vị đào tạo thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế làm văn bản trình lên Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà

Trường xem xét. Nếu thấy hợp lý, Hội đồng khoa học và đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng.

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2021

TRƯỜNG KHOA



PGS.TS Trần Đức Quý

PGS.TS. Đặng Ngọc Hùng

